

VUI HỌC TOÁN

TOÁN 3

LỚP THẦY SĨ

THỬ THÁCH TUẦN 1

Nội dung: Ôn tập các số đến 1 000

Ôn tập phép cộng, phép trừ trong phạm vi 1 000
Tìm thành phần trong phép cộng, phép trừ (tiết 1)

- Câu 1** Số gồm 3 trăm, 7 chục và 5 đơn vị viết là:
A. 375 B. 357 C. 573 D. 537
- Câu 2** Số liền trước của số 200 là:
A. 189 B. 198 C. 199 D. 201
- Câu 3** Trong dãy số sau, dãy số nào có ba số là ba số liên tiếp?
A. 11; 13; 15 B. 323; 324; 325 C. 100; 200; 300 D. 610; 600; 590
- Câu 4** Tổng của 338 và 152 là:
A. 286 B. 186 C. 480 D. 490
- Câu 5** Số hạng thứ nhất là 54, tổng là 100. Vậy số hạng thứ hai là:
A. 46 B. 56 C. 66 D. 36
- Câu 6** Trong các phép tính sau, phép tính có kết quả lớn nhất là:
A. $234 + 472$ B. $615 - 72$ C. $405 + 188$ D. $920 - 150$
- Câu 7** Lớp 3A và lớp 3B có tất cả 72 học sinh, trong đó lớp 3A có 35 học sinh. Vậy số học sinh lớp 3B có là:
A. 27 học sinh B. 37 học sinh C. 29 học sinh D. 36 học sinh

II. Phần tự luận.

- Bài 1** Điền vào chỗ trống.

Trăm	Chục	Đơn vị	Viết số	Đọc số																							
7	0	4	<table><tr><td></td><td></td></tr></table>			<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																					
<table><tr><td></td></tr></table>		<table><tr><td></td></tr></table>		<table><tr><td></td></tr></table>		651	<table><tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table>																				

Bài 2 Điền số thích hợp vào ô trống để được ba số liên tiếp.

36 37

815 817

500

66 67

398

990

Bài 3 Đặt tính rồi tính.

$$86 + 14$$

$$100 - 58$$

$$341 + 129$$

$$835 - 460$$

$$652 + 254$$

$$\begin{array}{r} 86 \\ + \\ 14 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 100 \\ - \\ 58 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 341 \\ + \\ 129 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 835 \\ - \\ 460 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 652 \\ + \\ 254 \\ \hline \end{array}$$

Bài 4 Số?

$$52 + \square = 71$$

$$\square + 29 = 87$$

$$515 + \square = 583$$

$$28 + \square = 90$$

$$\square + 49 = 65$$

$$632 + \square = 681$$

Bài 5 Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

543 603 343 299

580 762 800 568

Bài 6 > ; < ; = ?

$$452 + 66 \square 400 + 90 + 2$$

$$183 + 276 \square 580 - 121$$

$$610 - 60 \square 700 + 10 + 4$$

$$990 - 356 \square 481 + 253$$

Bài 7

Sau khi mẹ mua thêm 30 quả trứng gà thì nhà Mai có 120 quả trứng gà. Hỏi lúc đầu nhà Mai có bao nhiêu quả trứng gà?



Bài giải

- A. Số quả trứng gà lúc đầu nhà Mai có là: 150 quả trứng gà
- B. Số quả trứng gà lúc đầu nhà Mai có là: 90 quả trứng gà
- C. Số quả trứng gà lúc đầu nhà Mai có là: 180 quả trứng gà
- D. Số quả trứng gà lúc đầu nhà Mai có là: 80 quả trứng gà

Bài 8

Con trâu và con bò cân nặng 545 kg, trong đó con trâu cân nặng 290 kg. Hỏi con bò cân nặng bao nhiêu ki-lô-gam?



Bài giải

- A. Số ki – lô – gam con bò cân nặng là: 538 kg
- B. Số ki – lô – gam con bò cân nặng là: 540 kg
- C. Số ki – lô – gam con bò cân nặng là: 255 kg
- D. Số ki – lô – gam con bò cân nặng là: 240 kg

Bài 9

Hà và An lập kế hoạch thu gom 200 vỏ chai nhưng mới thu gom được 130 vỏ chai. Hỏi Hà và An cần thu gom thêm bao nhiêu vỏ chai nữa để hoàn thành kế hoạch?



Bài giải

- A. Số vỏ chai để hoàn thành kế hoạch Hà và An cần thu gom thêm là: 330 vỏ chai
- B. Số vỏ chai để hoàn thành kế hoạch Hà và An cần thu gom thêm là: 430 vỏ chai
- C. Số vỏ chai để hoàn thành kế hoạch Hà và An cần thu gom thêm là: 70 vỏ chai
- D. Số vỏ chai để hoàn thành kế hoạch Hà và An cần thu gom thêm là: 170 vỏ chai

